

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHÚ MỸ
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 100/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 24-12-2024

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Phan Thu Hiền

- **Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông Lê Trung Nam

2. Bà Phan Thị Sơn

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ: Bà Nguyễn Thị Lan Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 416/2024/TLST- HNGĐ ngày 04/11/2024 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/12/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1979 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ A, thôn P, xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Bị đơn: Bà Châu Bích H, sinh năm 1979 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ A, thôn P, xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn ông Nguyễn Văn C trình bày:

Ông kết hôn với bà Châu Bích H vào năm 1998, đến năm 2007 ông bà đã ly hôn theo quyết định ly hôn số 10/2007/QĐ – VHN ngày 29/3/2007 của Toà án nhân dân huyện Tân Thành (nay là TAND thị xã Phú Mỹ), tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Sau đó ông và bà H quay lại chung sống với nhau và đã đăng ký kết hôn lại vào ngày 24/12/2019 tại UBND xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Tuy nhiên đến nay vợ chồng chung sống không hạnh phúc, không tin tưởng lẫn nhau, hiện nay ông và bà H đã sống ly thân, không ai quan tâm đến nhau. Nay ông nhận thấy không còn tình cảm với bà H nên yêu cầu Toà án giải

quyết cho ông được ly hôn với bà H.

Về con chung: Ông và bà H có 03 con chung là Nguyễn Tâm N, sinh ngày 11/7/2001; Nguyễn Thị Tuyết N1, sinh ngày 31/10/2004 và Nguyễn Minh T, sinh ngày 11/2/2020. Đối với 02 cháu lớn đã trưởng thành nên ông không yêu cầu Toà án giải quyết. Đối với cháu T, ông C có nguyện vọng giao cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), ông cấp dưỡng nuôi con số tiền 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu T trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về tài sản chung, nợ chung: Ông không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên toà: Ông Châu giữ nguyên toàn bộ yêu cầu khởi kiện như đã trình bày, không bổ sung gì thêm.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án bị đơn bà Châu Bích H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà thống nhất với điều kiện và thời gian kết hôn như ông C trình bày. Bà H xác định sau khi quay trở lại chung sống với nhau thì vợ chồng lại tiếp tục phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không tin tưởng lẫn nhau, hiện nay vợ chồng đã sống ly thân. Nay ông C yêu cầu ly hôn thì bà đồng ý.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Bà xác định bà và ông C có 03 con chung là Nguyễn Tâm N, sinh ngày 11/7/2001; Nguyễn Thị Tuyết N1, sinh ngày 31/10/2004 và Nguyễn Minh T, sinh ngày 11/2/2020. Đối với 02 cháu lớn đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Toà án giải quyết. Đối với cháu T, bà H đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), đồng ý với mức cấp dưỡng nuôi con ông C đưa ra là 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu T trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về tài sản chung, nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ phát biểu quan điểm:

Qua nghiên cứu, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa dân sự sơ thẩm về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, thư ký, Hội thẩm nhân dân và những người tham gia tố tụng thì thấy:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng Dân sự.

- Đối với Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng, thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ tại phiên tòa.

- Đối với các đương sự đã chấp hành tốt các quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn của ông C và bà H.

Về con chung, cấp dưỡng nuôi con: Ông C và bà H có 03 con chung là Nguyễn Tâm N, sinh ngày 11/7/2001; Nguyễn Thị Tuyết N1, sinh ngày 31/10/2004 và Nguyễn Minh T, sinh ngày 11/2/2020. Đối với cháu N và T1 đã trưởng thành nên các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết. Ghi nhận sự thoả thuận của các đương sự, giao cháu T cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng đến

tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), ông C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu T số tiền 3.000.000đ/tháng cho đến khi cháu T trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Ông C phải có nghĩa vụ đóng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn bà Châu Bích H hiện đang cư trú tại thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và tranh chấp giữa ông C, bà H là tranh chấp về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, là những vụ việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về sự vắng mặt của bà H: Bà H vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin vắng mặt, do đó căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà H.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét về quan hệ hôn nhân của vợ chồng ông C, bà H thấy:

Căn cứ vào lời khai của các đương sự, các tài liệu chứng cứ do các đương sự cung cấp đã có đủ cơ sở xác định: Ông C, bà H kết hôn với nhau vào năm 1998, đến năm 2007 thì ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 10/2007/QĐ – VHN ngày 29/3/2007 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thành (nay là TAND thị xã Phú Mỹ), tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Sau đó ông C, bà H kết hôn lại và thực hiện đăng ký kết hôn vào ngày 24/12/2019 tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nên quan hệ hôn nhân giữa các bên là hợp pháp.

Xét về quan hệ hôn nhân của ông C, bà H: Ông C và bà H đều xác định vợ chồng chung sống nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không tin tưởng lẫn nhau, không tìm được tiếng nói chung nên thường phát sinh cãi vã và không hạnh phúc. Quá trình tố tụng ông C giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với bà H và bà H cũng đồng ý ly hôn với ông C.

Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng ông C, bà H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, áp dụng Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình, cần ghi nhận sự thuận tình ly hôn của ông C và bà H.

[2.2]. Về con chung: Ông C và bà H có 03 con chung là Nguyễn Tâm N, sinh ngày 11/7/2001; Nguyễn Thị Tuyết N1, sinh ngày 31/10/2004 và Nguyễn Minh T, sinh ngày 11/2/2020. Đối với cháu N và T1 đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ông C và bà H thoả thuận giao cháu T cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Sự thoả thuận này của ông C, bà H là phù hợp với quy định của pháp luật do đó Hội đồng xét xử ghi nhận sự thoả thuận của các đương sự.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông C tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu T số tiền 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu T trưởng thành (đủ 18 tuổi), bà H thống nhất với mức cấp dưỡng trên nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thoả thuận của các đương sự.

[2.4]. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết vì vậy Tòa án không xem xét.

[3]. Về án phí: Ông Nguyễn Văn C phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) và án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C đối với bà Châu Bích H về: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn C và bà Châu Bích H thuận tình ly hôn.

- Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Đối với cháu Nguyễn Tâm N, sinh ngày 11/7/2001 và Nguyễn Thị Tuyết N1, sinh ngày 31/10/2004 đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

Giao cháu Nguyễn Minh T, sinh ngày 11/2/2020 cho bà Châu Bích H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), ông Nguyễn Văn C cấp dưỡng nuôi con số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng)/tháng bắt đầu từ tháng 01/2025 cho đến khi cháu T trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Ông Nguyễn Văn C được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thanh toán số tiền nêu trên thì hàng tháng người

phải thi hành án còn phải chịu thêm lãi suất của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn C phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi con nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004034 ngày 31/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Ông Nguyễn Văn C phải tiếp tục nộp số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án”.

3. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. (Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND thị xã Phú Mỹ;
- Chi cục THADS thị xã Phú Mỹ;
- UBND xã Tân Hoà;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thu Hiền

